

Số: 174/KHCL-THNP1

Vinh Phú, ngày 15 tháng 10 năm 2025

PHƯỜNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC
Xây dựng, phát triển Trường Tiểu học Nghi Phú 1 giai đoạn 2025 - 2030,
định hướng đến năm 2035

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯỜNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;
- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học;
- Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường Vinh Phú, khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Tình hình thực tiễn của Trường Tiểu học Nghi Phú 1 tại thời điểm tháng 8 năm 2025,

là căn cứ để nhà trường xây dựng Phương hướng Chiến lược.

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH

1. Tình hình kinh tế - xã hội phường Vinh Phú

Phường Vinh Phú là phường mới được thành lập sau chủ trương sáp nhập xã phường của Trung ương. Phường được thành lập từ 4 phường thuộc Thành phố Vinh trước đây là phường Hà Huy Tập, phường Nghi Phú, xã Nghi Đức và xã Nghi Ân. Là khu vực đang phát triển mạnh mẽ về hạ tầng đô thị và dịch vụ. Thu nhập người dân ổn định, dân trí cao, đặc biệt quan tâm đến chất lượng giáo dục. Đây là điểm thuận lợi lớn giúp nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Diện tích tự nhiên của phường là m^2 , dân số người, nghề nghiệp và thu nhập chủ yếu của người dân; thu nhập bình quân đầu người/năm của năm **2025**; tỷ lệ hộ nghèo,..., kết quả xây dựng nông thôn mới, tình hình công tác văn hóa, giáo dục của địa phương, sự quan tâm, chăm lo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và nhân dân đối với công tác giáo dục...)

- Điểm thuận lợi: Địa bàn phường thuộc vùng trung tâm kinh tế, chính trị xã hội của tỉnh Nghệ An. Lãnh đạo Đảng ủy, UBND và các tổ chức đoàn thể phường hết sức quan tâm đến sự nghiệp giáo dục.

- Điểm khó khăn: Trường nằm trên địa bàn Công giáo toàn tông, học sinh cùng lúc phải tham gia 2 hoạt động học tập: học chương trình phổ thông và học chương trình giáo lí nên thời gian eo hẹp, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Tình hình Trường Tiểu học Nghi Phú 1

2.1. Số liệu lớp, học sinh

Trường có 19 lớp với 638 học sinh, trong đó

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
Khối 1	4	145	Học TATC: 01 lớp; 30 HS Học STEM: 01 lớp; 32 HS
Khối 2	4	118	Sĩ số thấp: 29-30 HS/lớp Học TATC: 01 lớp; 30 HS Học STEM: 01 lớp; 32 HS
Khối 3	4	136	Học TATC: 02 lớp; 70 HS
Khối 4	3	120	Sĩ số cao: 40 HS/lớp Học TATC: 02 lớp; 70 HS
Khối 5	4	119	Sĩ số thấp: 29-30 HS/lớp
Tổng cộng	19	638	Bán trú: 586 em (91.8%)

Có Phụ biểu 1a chi tiết kèm theo.

2.2. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ trung, năng động, nhiệt tình, trách nhiệm. 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên 96% đạt trên chuẩn. Cụ thể:

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- CBQL: 01 đ/c (Biên chế: 01/ 01; Đại học: 01/01)

- GV: 28 đ/c (Biên chế: 26; HĐ thỉnh giảng: 02; Thạc sĩ: 01; ĐH: 27)

- NV: 03 đ/c (Biên chế: 02; HĐ 111: 01; Thạc sĩ: 01; CĐ: 01; TC: 01)

Số GVĐG cấp tỉnh: 02 đ/c; cấp Thành: đ/c; cấp trường: đ/c

Số GVCNLG cấp Thành: 01 đ/c; Cấp trường: 12 đ/c

Số CSTĐ cấp tỉnh: 01; cấp Cơ sở:

Tuy nhiên, với 19 lớp hiện tại, nhà trường cần bổ sung thêm 03 giáo viên để đảm bảo tỷ lệ 1.5 GV/lớp (khoảng 29 giáo viên) theo quy định.

Có Phụ biểu 2a chi tiết kèm theo.

2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học

CSVC nhà trường khang trang với 01 dãy nhà hiệu bộ 2 tầng, 02 dãy nhà học 3 tầng với 33 phòng học, phòng chức năng. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường tương đối đầy đủ, đảm bảo phục vụ dạy học trên lớp và đáp ứng chương trình GDPT 2018 song có một số thiết bị đã cũ, bị xuống cấp, hư hỏng.

Có Phụ biểu 3a chi tiết kèm theo.

2.4. Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục đại trà của Trường ngày một nâng lên. Chất lượng mũi nhọn được quan tâm và đạt khá nhiều giải cao trong các cuộc thi qua mạng cấp Tỉnh, cấp Quốc gia, song không có học sinh đạt các giải giao lưu cấp Thành và cũng không có học sinh đậu trường THCS Đặng Thai Mai năm học 2024-2025.

Có Phụ biểu 4a chi tiết kèm theo.

Từ phân tích tình hình nhà trường, rút ra:

2.3. Phân tích SWOT (Điểm mạnh - Điểm yếu - Thời cơ - Thách thức)

Điểm mạnh (Strengths)	Điểm yếu (Weaknesses)
Trường đã từng đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2014-2015. Đội ngũ cán bộ quản lý có tầm nhìn khoa học, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. 100% giáo viên đạt chuẩn chuyên môn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt cao (96% trong giai đoạn trước). Sự tin tưởng tuyệt đối của phụ huynh (hơn 90% HS đăng ký bán trú).	Đội ngũ giáo viên ít năm kinh nghiệm cần cải thiện về công tác chủ nhiệm Ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy còn dư địa để cải thiện. Cơ sở vật chất chưa đồng bộ, hiện đại; một số phòng học bộ môn chưa đạt chuẩn theo quy định mới. Sĩ số học sinh/lớp ở một số khối khá cao (ví dụ Khối 4 trung bình 40 HS/lớp), gây áp lực lên cơ sở vật chất và quản lý.
Nguyên nhân chủ quan	Nguyên nhân khách quan

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm đầu tư CSVC của chính quyền các cấp đảm bảo đạt chuẩn. - CBGVNV nhà trường luôn có tinh thần đoàn kết, ý thức học hỏi vươn lên. - PHHS ngày càng có nhận thức cao, ủng hộ các hoạt động giáo dục của nhà trường.	- Đội ngũ thường xuyên biến động, GV có kinh nghiệm chuyên đi, chuyển về là GV mới ra trường công ít kinh nghiệm. - Nguồn ngân sách ít ỏi, nguồn VĐTTGD không đủ để chi trả nâng cấp mạng internet nội bộ, CSVC phòng bộ môn. - PHHS có nhu cầu cho con em đi học ở các trường thuận lợi hơn.
Thời cơ (Opportunities)	Thách thức (Threats)
- Nhu cầu giáo dục chất lượng cao tại địa phương ngày càng tăng. - Sự quan tâm đầu tư từ ngân sách Phường, Tỉnh cho các trường đạt chuẩn.	- Yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông (Chương trình 2018) đòi hỏi cao về hạ tầng số. - Cạnh tranh về chất lượng với các trường lân cận.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương và yêu thương để mỗi học sinh đều được phát huy phẩm chất riêng, có năng lực tư duy sáng tạo và chuẩn bị nền tảng vững chắc cho tương lai.

2. Tầm nhìn

Xây dựng Trường Tiểu học Nghi Phú I trở thành một ngôi trường Chuẩn mực - Năng động - Hiện đại; là địa chỉ tin cậy hàng đầu của phụ huynh về chất lượng giáo dục và chuyển đổi số tại phường Vinh Phú đến năm 2035.

3. Giá trị cốt lõi

Hợp tác - Nhân ái - Sáng tạo - Trách nhiệm - Khát vọng vươn lên

4. Mục tiêu

4.1. Mục tiêu chung (đến năm 2030, 2035)

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm 2027.

Phấn đấu trở thành "Trường học hạnh phúc - Công dân số" vào năm 2030.

4.2. Mục tiêu cụ thể (đến năm 2030, năm 2035)

Quy mô (2030): Ổn định 21 lớp với khoảng 715-735 học sinh. Sĩ số bình quân không quá 35 em/lớp.

Đội ngũ: 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đại học theo Luật Giáo dục 2019; trên 30% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Phường và cấp Tỉnh.

Cơ sở vật chất: Hoàn thiện 20 phòng học kiên cố, 06 phòng bộ môn đạt chuẩn hiện đại, 01 phòng máy tính với 37 máy kết nối internet tốc độ cao.

Chất lượng: 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học; trên 70% học sinh đạt mức "Tốt" về năng lực và phẩm chất.

Quy mô (2035): Ổn định 25 lớp với khoảng 850-875 học sinh. Sĩ số bình quân không quá 35 em/lớp.

Đội ngũ: 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đại học theo Luật Giáo dục 2019; trên 50% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Phường và cấp Tỉnh.

Cơ sở vật chất: Hoàn thiện 25 phòng học kiên cố, 06 phòng bộ môn đạt chuẩn hiện đại, 02 phòng máy tính với 35 máy/ phòng kết nối internet tốc độ cao.

Chất lượng: 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học; trên 80% học sinh đạt mức "Tốt" về năng lực và phẩm chất.

4. Mục tiêu chiến lược

Đến năm 2030:

Duy trì và nâng cao chất lượng Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

100% giáo viên sử dụng thành thạo CNTT và các nền tảng dạy học số.

Phấn đấu trên 70% học sinh đạt mức "Tốt" về năng lực và phẩm chất.

Đến năm 2035:

Xây dựng trường theo mô hình "Trường học thông minh - Hạnh phúc".

Hoàn thiện cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về phòng học bộ môn.

4.2.1. Quy mô lớp, học sinh

- Đến năm 2030, dự báo Trường có 21 lớp, có 735 học sinh.

- Đến năm 2035, dự ước Trường có 25 lớp, có 875 học sinh

Dự báo quy mô lớp, học sinh của trường từng năm học giai đoạn 2026-2030, năm học 2034-2035: *Chi tiết tại phụ biểu 1b.*

4.2.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

a) Về giáo viên (tính theo tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp)

- Đến năm 2030, dự báo Trường cần số lượng 32 giáo viên; trong đó

Cơ cấu: Giáo viên chung: 22 người, Tiếng Anh 03 người, Tin học 01 người, Mỹ thuật 01 người, Âm nhạc 01 người, Thể dục 02 người, khác: 02 người.

Chất lượng: giáo viên dạy giỏi cấp phường 15 người, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 03 người; giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp phường 07 người, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh 02 người.

- Đến năm 2035, dự ước Trường cần số lượng 35 giáo viên; trong đó

Cơ cấu: Giáo viên chung: 26 người, Tiếng Anh 04 người, Tin học 02 người, Mỹ thuật 01 người, Âm nhạc 01 người, Thể dục 02 người, khác: 02 người.

Chất lượng: giáo viên dạy giỏi cấp phường 20 người, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 05 người; giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp phường 10 người, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh 04 người.

Chi tiết tại phụ biểu 2b.

b) Về nhân viên

- Đến năm 2030, dự báo Trường cần số lượng 03 nhân viên; gồm có: Kế toán, Y tế, Thư viện - Văn thư.

- Đến năm 2035, dự ước Trường cần số lượng 05 nhân viên; gồm có: Kế toán, Y tế, Thư viện - Văn thư, Giáo vụ, Tư vấn tâm lý.

4.2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục

- Đến năm 2030, dự báo Trường cần CSVG, TBGD *cụ thể ở phụ biểu 3b.*

- Đến năm 2035, dự ước Trường cần CSVG, TBGD *cụ thể ở phụ biểu 3c.*

4.2.4. Về chất lượng giáo dục

- Đến năm 2030, phấn đấu đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, trường CQG mức độ 2.

- Đến năm 2035, phấn đấu giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, trường CQG mức độ 2.

Cụ thể ở phụ biểu 4b

5. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Kế hoạch

5.1. Làm tốt việc huy động và duy trì sỹ số, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vững chắc

- Huy động 100% học sinh 6 tuổi ra lớp, duy trì tốt sỹ số.

- Phối hợp các lực lượng GD trên địa bàn để thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vững chắc.

- Ứng dụng CNTT, quản lý dữ liệu, nâng cao hiệu quả PCGD.

5.2. Xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục

- Tham mưu để bố trí đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên theo quy mô trường lớp của nhà trường.

- Bồi dưỡng đội ngũ (nâng tỷ lệ GV trên chuẩn đào tạo; tăng số lượng GVĐG, GVCNG cấp phường, cấp tỉnh; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NV; bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị cho GVNV,...).

- Tổ chức thường xuyên các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng công nghệ thông tin cho giáo viên. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và dạy học.

- Khuyến khích giáo viên tự học và sáng tạo để đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

5.3. Tăng cường cơ sở vật chất, TBGD để đáp ứng yêu cầu dạy và học, hoạt động giáo dục

- Tham mưu với các cấp bố trí kinh phí để đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất, TBGD đáp ứng với mục tiêu chất lượng giáo dục đến năm 2030, 2035 (ngân sách phòng, ngân sách tỉnh...);

- Huy động các nguồn lực, tranh thủ sự ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân hảo tâm.

- Khai thác hiệu quả, bảo quản cải tiến cơ sở vật chất hiện có.

- Quan tâm xây dựng, cải thiện môi trường sư phạm "Xanh - Sạch - Đẹp - Thân thiện" và nâng cấp bếp ăn bán trú.

5.4. Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục một cách bền vững

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả Kế hoạch giáo dục từng năm học, chú trọng xây dựng Chương trình nhà trường sát thực, phù hợp, hiệu quả.

- Thực hiện Kế hoạch ĐBCL, đề cao trách nhiệm của GV trong việc thực hiện cam kết chất lượng với Hiệu trưởng.

- Đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh (STEM, dạy học dự án), đổi mới phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức dạy học.

- Chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp thông qua tăng cường các hoạt động trải nghiệm, đẩy mạnh ứng dụng CNTT chuyển đổi số trong giáo dục.

5.5. Đổi mới công tác quản lý nhà trường theo hướng quản trị; đẩy mạnh ứng dụng CNTT

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch.

- Phân công, phân cấp mạnh mẽ cho từng tổ chức cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Phát huy tinh thần chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của CB, GV, NV trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách được phân công.

- Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị, thực hiện tốt công khai, minh bạch.

- Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về giáo dục tiểu học.

- Ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dạy học và quản lý, điều hành nhà trường.

- Thực hiện hiệu quả công tác xã hội hoá giáo dục.

- Phối hợp hiệu quả các lực lượng giáo dục trên địa bàn để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, đồng thuận.

- Triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Xây dựng thư viện điện tử, hồ sơ điện tử và bài giảng E-learning.

6. Kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược

Kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược bao gồm: kinh phí xây dựng, bổ sung hoàn thiện CSVC, trang thiết bị cho cả 5 năm; kinh phí hoạt động thường xuyên của

nhà trường trong cả 5 năm; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong 5 năm; kinh phí thi đua, khen thưởng trong cả 5 năm,...

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược: 5.824.000.000 đồng.

Kinh phí trên được huy động từ các nguồn:

- Từ nguồn vận động tài trợ hàng năm: 755.000.000 đồng;
- Từ nguồn ngân sách phường hỗ trợ: 1.819.000.000 đồng;
- Đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ: 3.250.000.000 đồng;

Có Phụ biểu 5 chi tiết kèm theo.

7. Lộ trình thực hiện:

- 2026 - 2027: Rà soát, quy hoạch lại CSVC, ổn định sĩ số các khối lớp.
- 2027 - 2030: Tập trung mũi nhọn chất lượng giáo dục và hoàn tất các tiêu chí chuẩn mức độ 2 giai đoạn mới.
- 2030 - 2035: Định hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm để nhằm cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược; theo dõi việc thực hiện Kế hoạch chiến lược, kịp thời xây dựng phương án điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết; bố trí các nguồn lực đảm bảo để thực hiện Kế hoạch chiến lược; phối hợp các lực lượng để thực hiện Kế hoạch.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng: giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ hàng năm trên lĩnh vực được phân công; Phụ trách chuyên môn, kiểm tra đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu về dạy và học.

3. Đối với Tổ trưởng chuyên môn: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm của Tổ để thực hiện mục tiêu của Trường đã xác định; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch của Tổ; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Tổ để thực hiện hiệu quả kế hoạch của Tổ hàng năm; phối hợp các tổ chức, lực lượng trong và ngoài nhà trường để thực hiện kế hoạch của Tổ.

Cụ thể hóa kế hoạch vào hoạt động của tổ, giám sát chất lượng giảng dạy của từng thành viên.

4. Đối với Tổ phó chuyên môn: giúp Tổ trưởng chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ hàng năm trên lĩnh vực được phân công.

5. Đối với giáo viên: xây dựng kế hoạch công tác hàng năm để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; phối hợp với cha mẹ học sinh để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của lớp, của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch cá nhân, cam kết chất lượng và tích cực tham gia các phong trào thi đua.

6. Đối với nhân viên: xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác cá nhân hàng năm, gắn với chức trách nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công để góp phần thực hiện tốt Kế hoạch của nhà trường hàng năm.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với UBND phường Vinh Phú

- Quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời mọi hoạt động của nhà trường.
- Về công tác chỉ đạo và phối hợp vĩ mô:

+ Đề nghị UBND phường đưa mục tiêu phát triển nhà trường vào Nghị quyết Đảng ủy và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng năm và cả giai đoạn 2026-2030.

+ Duy trì cơ chế giao ban định kỳ (tối thiểu 2 lần/năm) giữa Lãnh đạo UBND phường với Ban giám hiệu nhà trường để kịp thời tháo gỡ các nút thắt về an ninh trường học, phân luồng học sinh và phổ cập giáo dục.

- Về đầu tư cơ sở vật chất (CSVC) và ngân sách:

+ Quy hoạch và bố trí quỹ đất, nguồn vốn trung hạn để hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại hóa, đảm bảo duy trì và nâng cao các tiêu chí Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ mới.

+ Đảm bảo phân bổ và cấp phát kịp thời, đầy đủ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo định mức. Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ các hoạt động giáo dục đặc thù, phong trào mũi nhọn và công tác chuyển đổi số của nhà trường.

2. Với Sở GD&ĐT

- Về phát triển đội ngũ Cán bộ quản lý (CBQL), Giáo viên (GV) và Nhân viên (NV):

+ Tham mưu UBND tỉnh rà soát, giao bổ sung biên chế giáo viên còn thiếu so với định mức quy định, đặc biệt là cơ cấu giáo viên bộ môn để thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông.

+ Xây dựng chiến lược đào tạo bồi dưỡng chuyên môn dài hạn; đổi mới hình thức tập huấn chuyên môn gắn liền với năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, giảng dạy và thực hiện chuyển đổi số toàn diện.

- Về cơ chế tài chính và nguồn lực hoạt động:

+ Xem xét, điều chỉnh và bổ sung kịp thời kinh phí hoạt động, các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục để nhà trường chủ động thực hiện nhiệm vụ năm học.

+ Hướng dẫn, tạo cơ chế thông thoáng để nhà trường thực hiện tốt quyền tự chủ tài chính; hỗ trợ kết nối các nguồn lực xã hội hóa hợp pháp để tăng cường nguồn lực phát triển tổng thể.

- Về phát triển chuyên môn và đổi mới quản trị:

+ Đổi mới phương thức kiểm định chất lượng giáo dục; định hướng, hướng dẫn nhà trường áp dụng các mô hình quản trị trường học tiên tiến, hiện đại.

+ Làm đầu mối tổ chức các hội thảo, diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm; tạo điều kiện cho CBQL và giáo viên cốt cán tham quan, học tập các mô hình trường học tiêu biểu, điển hình về đổi mới sáng tạo cả trong và ngoài tỉnh nhằm tiệm cận với tầm nhìn giáo dục đến năm 2035.

Nhà trường cam kết sử dụng đúng mục đích, hiệu quả các nguồn kinh phí đầu tư; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để khẳng định vị thế của nhà trường, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành và địa phương; thực hiện thắng lợi phương hướng chiến lược Xây dựng, phát triển Trường Tiểu học Nghi Phú 1 giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH phường Vinh Phú (BC);
- Lãnh đạo mở rộng;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu VT.



UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 1a

Số liệu lớp, học sinh tại thời điểm lập phương hướng chiến lược
(tháng 10 năm 2025)

TT	Số lớp	Tổng số học sinh	Học sinh nữ	Học sinh DTTS	Chia ra										Số HS con hộ nghèo	Ghi chú (số HS kh tật)
					Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5			
					Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		
1	19	638	323	2	4	145	4	118	4	136	3	120	4	119	2	6

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 1b

Dự báo quy mô lớp, học sinh giai đoạn 2025 - 2030, dự ước năm học 2034 - 2035

TT	Năm học	Số điểm trường	Số lớp	Tổng số học sinh	Chia ra										Số HS ngoài địa bàn	Ghi chú (số HS kh tật)
					Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5			
					Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		

[illegible]

**UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1**

Phụ biểu 2a
Tổng hợp tình hình đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường
(thời điểm tháng 10 năm 2025)

TT	Đối tượng	Tổng số	Trình độ		Ti n	Ngoạ i ngữ	Đản g viên	Tuổi đời	Danh hiệu chuyên môn	Danh hiệu thi đua	Gh i
			Chuyên môn	Lý luận CT							

			Ths ỹ	Cũ nhâ n	C Đ	Kh ác	SC	TC	họ c			Dướ i 30	30- dưới 40	40- dưới 50	50 trở lên	GVDG/ CNG cấp huyện	GVD/ CNG cấp tỉnh	CSTĐ cơ sở	CSTĐ cấp tỉnh	ch ú
1	Hiệu trưởng	1		1				1	B	B1	1				1				1	
2	Hiệu phó	0															1			
3	Giáo viên	26	1	25					26	25	12				2	6	1	7		
4	Nhân viên	12	1	1	2	8			2	1					6					
	Cộng toàn trường	39	2	27	2	8		1	29	27	13				9	6	2	7	1	

**UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1**

Phụ biểu 2b

Dự báo nhu cầu số lượng, chỉ tiêu chất lượng đội ngũ GV,NV nhà trường

[illegible]

1	Giáo viên	32	22	3	1	1	1	2	2	15	7	3	2	6	32
2	Nhân viên HC	3													01 KT, 01 Y tế, 01 Văn thư
3	Nhân viên PV	11													
	NH 2034-2035														
1	Giáo viên	38	26	4	2	1	1	2	2	20	10	5	4	12	38
2	Nhân viên	5													01 KT, 01 YT, 01 VT, 01 TVTL, 01 giáo vụ
3	Nhân viên PV	12													

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 3a
Tổng hợp tình hình CSVC, TBGD nhà trường
(thời điểm tháng 10 năm 2025)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tính chất xây dựng		Đánh giá theo TT13/2020/TT-BGDĐT		Ghi chú
				Kiên cố	Tạm	Đạt	Không đạt	
	Diện tích khuôn viên trường	m ²						

I	Khối phòng hành chính quản trị	Phòng						
	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	x		x		
	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	01	x		x		
	Văn phòng trường	Phòng	01	x		x		
	Phòng dành cho nhân viên	Phòng	02	x		x		
	Phòng bảo vệ	Phòng	01	x		x		
	Khu vệ sinh CBGVNV	Phòng	02	x		x		
	Khu để xe CBGVNV		01	x		x		
	Phòng của tổ chức Đảng, đoàn thể	Phòng						
II	Khối phòng học tập							
	Phòng học	Phòng	19	x		x		
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Tin học	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	Phòng	01	x		x		
	Phòng đa chức năng	Phòng	01	x		x		

III	Khối phòng hỗ trợ học tập							
	Thư viện:							
	- Phòng đọc GV	Phòng						
	- Phòng đọc học sinh	Phòng	01	x		x		
	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	01	x		x		
	Phòng tư vấn HD và hỗ trợ HSKT	Phòng	01	x		x		
	Phòng truyền thống	Phòng	01	x		x		
	Phòng Đội Thiếu niên	Phòng	01	x		x		
IV	Khối phụ trợ							
	Phòng họp	Phòng	01	x		x		
	Phòng Y tế học đường	Phòng	01	x		x		
	Nhà kho	Phòng	01	x		x		
	Khu để xe học sinh		01	x		x		
	Khu vệ sinh học sinh	Phòng	06	x		x		
	Cổng, hàng rào							
	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	0					
	Phòng giáo viên	Phòng	03	x		x		

V	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
	Có một sân chung của nhà trường		01					
	Sân thể dục thể thao		01					
	Khu vực tập thể dục thể thao có mái che		01					
	Các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn							
VI	Khối phục vụ sinh hoạt							
	Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		01					
	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		01					
	Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú)		0					
	Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú)		0					
	Phòng quản lý HS (đối với trường có tổ chức nội trú)							
	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú)							

VII	Hạ tầng kỹ thuật	Hệ thống						
	Hệ thống cấp nước sạch		01					
	Hệ thống cấp điện		01					
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		01					
	Hạ tầng công nghệ thông tin		01					
	Khu thu gom rác thải							
VIII	Mật độ sử dụng đất							
	Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;							
	Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không dưới 40%;							
	Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.							
VII	Thiết bị dạy học được trang bị	Bộ		Tỷ lệ % so với danh mục tối thiểu của Thông tư 37/2021/-BGDĐT				
1	Thiết bị DH lớp 1	04		100				
2	Thiết bị DH lớp 2	04		100				

3	Thiết bị DH lớp 3	04		100	
4	Thiết bị DH lớp 4	04		100	
5	Thiết bị DH lớp 5	04		100	
6	Thiết bị dùng chung	02		100	

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 3b
Dự báo nhu cầu CSVC, TBGD nhà trường năm học 2029-2030

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tính chất xây dựng		Đánh giá theo TT13/2020/TT-BGDĐT		Ghi chú
				Kiên cố	Tạm	Đạt	Không đạt	
	Diện tích khuôn viên trường	m ²						
I	Khối phòng hành chính quản trị	Phòng						
	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	x		x		
	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	01	x		x		
	Văn phòng trường	Phòng	01	x		x		
	Phòng dành cho nhân viên	Phòng	02	x		x		
	Phòng bảo vệ	Phòng	01	x		x		
	Khu vệ sinh CBGVNV	Phòng	02	x		x		
	Khu để xe CBGVNV		01	x		x		
	Phòng của tổ chức Đảng, đoàn thể	Phòng						

II	Khối phòng học tập							
	Phòng học	Phòng	21	x		x		
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Tin học	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	Phòng	01	x		x		
	Phòng đa chức năng	Phòng	01	x		x		
III	Khối phòng hỗ trợ học tập							
	Thư viện:							
	- Phòng đọc GV	Phòng						
	- Phòng đọc học sinh	Phòng	01	x		x		
	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	01	x		x		
	Phòng tư vấn HD và hỗ trợ HSKT	Phòng	01	x		x		
	Phòng truyền thống	Phòng	01	x		x		
	Phòng Đội Thiếu niên	Phòng	01	x		x		
IV	Khối phụ trợ							

	Phòng họp	Phòng	01	x		x		
	Phòng Y tế học đường	Phòng	01	x		x		
	Nhà kho	Phòng	01	x		x		
	Khu để xe học sinh		01	x		x		
	Khu vệ sinh học sinh	Phòng	06	x		x		
	Cổng, hàng rào							
	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	0					
	Phòng giáo viên	Phòng	03	x		x		
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
	Có một sân chung của nhà trường		01					
	Sân thể dục thể thao		01					
	Khu vực tập thể dục thể thao có mái che		01					
	Các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn							
VI	Khôi phục vụ sinh hoạt							

	Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		01					
	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		01					
	Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú)		0					
	Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú)		0					
	Phòng quản lý HS (đối với trường có tổ chức nội trú)							
	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú)							
VII	Hạ tầng kỹ thuật	Hệ thống						
	Hệ thống cấp nước sạch		01					
	Hệ thống cấp điện		01					
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		01					
	Hạ tầng công nghệ thông tin		01					
	Khu thu gom rác thải							
VIII	Mật độ sử dụng đất							

	Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;							
	Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không dưới 40%;							
	Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.							
VII	Thiết bị dạy học được trang bị	Bộ		Tỷ lệ % so với danh mục tối thiểu của Thông tư 37/2021/-BGDĐT				
1	Thiết bị DH lớp 1	05		100				
2	Thiết bị DH lớp 2	04		100				
3	Thiết bị DH lớp 3	04		100				
4	Thiết bị DH lớp 4	04		100				
5	Thiết bị DH lớp 5	04		100				
6	Thiết bị dùng chung	02		100				

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 3c
Dự ước nhu cầu CSVC, TBGD nhà trường năm học 2034-2035

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tính chất xây dựng		Đánh giá theo TT13/2020/TT- BGDDT		Ghi chú
				Kiên cố	Tạm	Đạt	Không đạt	
	Diện tích khuôn viên trường	m ²						
I	Khối phòng hành chính quản trị	Phòng						
	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	x		x		
	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	01	x		x		
	Văn phòng trường	Phòng	01	x		x		
	Phòng dành cho nhân viên	Phòng	02	x		x		
	Phòng bảo vệ	Phòng	01	x		x		
	Khu vệ sinh CBGVNV	Phòng	02	x		x		
	Khu để xe CBGVNV		01	x		x		
	Phòng của tổ chức Đảng, đoàn thể	Phòng						

II	Khối phòng học tập							
	Phòng học	Phòng	25	x		x		
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Tin học	Phòng	01	x		x		
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	Phòng	01	x		x		
	Phòng đa chức năng	Phòng	01	x		x		
III	Khối phòng hỗ trợ học tập							
	Thư viện:							
	- Phòng đọc GV	Phòng						
	- Phòng đọc học sinh	Phòng	01	x		x		
	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	01	x		x		
	Phòng tư vấn HD và hỗ trợ HSKT	Phòng	01	x		x		
	Phòng truyền thống	Phòng	01	x		x		
	Phòng Đội Thiếu niên	Phòng	01	x		x		
IV	Khối phụ trợ							

	Phòng họp	Phòng	01	x		x		
	Phòng Y tế học đường	Phòng	01	x		x		
	Nhà kho	Phòng	01	x		x		
	Khu để xe học sinh		01	x		x		
	Khu vệ sinh học sinh	Phòng	06	x		x		
	Cổng, hàng rào							
	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	0					
	Phòng giáo viên	Phòng	03	x		x		
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
	Có một sân chung của nhà trường		01					
	Sân thể dục thể thao		01					
	Khu vực tập thể dục thể thao có mái che		01					
	Các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn							
VI	Khôi phục vụ sinh hoạt							

	Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		01					
	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		01					
	Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú)		0					
	Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú)		0					
	Phòng quản lý HS (đối với trường có tổ chức nội trú)							
	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú)							
VII	Hạ tầng kỹ thuật	Hệ thống						
	Hệ thống cấp nước sạch		01					
	Hệ thống cấp điện		01					
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		01					
	Hạ tầng công nghệ thông tin		01					
	Khu thu gom rác thải							
VIII	Mật độ sử dụng đất							

	Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;							
	Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không dưới 40%;							
	Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.							
VII	Thiết bị dạy học được trang bị	Bộ		Tỷ lệ % so với danh mục tối thiểu của Thông tư 37/2021/-BGDĐT				
1	Thiết bị DH lớp 1	05		100				
2	Thiết bị DH lớp 2	05		100				
3	Thiết bị DH lớp 3	05		100				
4	Thiết bị DH lớp 4	05		100				
5	Thiết bị DH lớp 5	05		100				
6	Thiết bị dùng chung	03		100				

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 4a
Tổng hợp chất lượng giáo dục nhà trường
(thời điểm tháng 10 năm 2025)

TT	Danh mục	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100	
2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,4	
3	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	
4	Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	
5	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	100	

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 4b
Mục tiêu chất lượng giáo dục nhà trường

TT	Danh mục	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
	Năm học 2029-2030		
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100	
2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	98	
3	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	
4	Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	
5	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	100	
	Năm học 2034-2035		
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100	
2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	98,5	
3	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	
4	Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	

5	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	100	

UBND PHƯỜNG VINH PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHI PHÚ 1

Phụ biểu 5

Tổng hợp nhu cầu kinh phí phục vụ mục tiêu phương hướng chiến lược giai đoạn 2025 - 2030

TT	Danh mục	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	Dự kiến thuộc nguồn kinh phí	Ghi chú
	Năm học 2025 - 2026			
1	Làm đường điện từ tủ điện đường Trương Văn Lĩnh đến trường	63	Ngân sách phường	
2	Xây dựng tường rào xung quanh trường	1000	Ngân sách tỉnh	
3	Mua 05 thiết bị vận động	31	Ngân sách phường	
4	Cải tạo bồn hoa trong sân trường	15	VĐTT	
	Năm học 2026 - 2027			
1	Cải tạo, sửa chữa nhà đa năng	450	Ngân sách tỉnh	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh học sinh	300	Ngân sách phường	
3	Cải tạo, sửa chữa sân thể thao	350	VĐTT	
4	Cải tạo, sửa chữa hệ thống cửa chính, cửa sổ nhà Hiệu bộ	120	Ngân sách phường	

	Năm học 2027 - 2028			
1	Mua bổ sung tivi cho các phòng bộ môn, tivi hư hỏng	75	Ngân sách phường	
2	Lắp đặt thêm camera an ninh	45	VĐTT	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà bảo vệ	300	Ngân sách tỉnh	
4	Cải tạo, sửa chữa nhà để xe giáo viên	350	Ngân sách phường	
	Năm học 2028 - 2029			
1	Mua thay thế, bổ sung thiết bị dạy học	800	Ngân sách tỉnh	
2	Sửa chữa bàn ghế hư hỏng	25	VĐTT	
3	Làm nhà ăn học sinh	500	Ngân sách phường	
4	Xây dựng khu vườn trải nghiệm	200	VĐTT	
	Năm học 2029 - 2030			
1	Xây dựng lại cổng trường đảm bảo công tác PCCC	700	Ngân sách tỉnh	
2	Mua màn hình Led điện tử cho phòng họp	45	VĐTT	
3	Lắp đặt điều hòa cho các phòng chức năng	75	VĐTT	
4	Nâng cấp bếp ăn bán trú	380	Ngân sách phường	
	Tổng cộng	5.824		

(Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm hai mươi tư triệu đồng./.)

